

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2021
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Chinh và bà Nguyễn Thị Huân.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ở hiện tại: Số 27/7 khu phố 6 phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 03 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà và ông Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 23/02/2000. Sau ngày cưới, bà về làm dâu và sinh sống cùng gia đình nhà ông T ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2006, thì bà và ông T xảy ra mâu thuẫn. Bà vào Miền Nam làm ăn đến năm 2009 ông T cũng vào Miền Nam làm ăn cùng bà. Đến năm 2019, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn trầm

trọng, ông T bỏ ra Bắc sinh sống còn bà vẫn ở lại Miền Nam tiếp tục làm ăn. Bà D xác định, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông T chủ yếu là do, ông T thường xuyên rượu chè, chửi bới đánh đập bà. Do bà không thể sống chung được với ông T nên bà và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho tới nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Bị đơn ông T trình bày:

Ông thừa nhận thời gian kết hôn như bà D trình bày ở trên là đúng. Tuy nhiên ông T cho rằng, thực tế ông và bà D không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Năm 2019, ông bị ốm phải ra Bắc điều trị nên ông và gia đình có khuyên bà D ra Bắc cùng ông để hai vợ chồng cùng nhau làm ăn nhưng bà D không nghe. Tháng 7 năm 2019, bà D về thăm ông và gia đình được khoảng 07 ngày sau đó lại tiếp tục vào Miền Nam từ đó tới nay, bà D không hề về thăm hay quan tâm gì đến cuộc sống của bố con ông. Ông T thừa nhận, thỉnh thoảng ông có uống rượu nhưng ông không đánh đập hay chửi bới gì bà D. Nay bà D xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà D cũng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà D và ông T đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là Lê Đức A, sinh ngày 28/3/2001 và Lê Thị L (tên gọi khác là Lê Thùy L), sinh ngày 19/4/2005. Hiện tại cháu A đã trưởng thành, có thể lao động, tự túc nuôi sống bản thân nên ly hôn bà D, ông T không yêu cầu giải quyết. Cháu L hiện đang ở với ông T. Ly hôn, do không muốn làm xáo trộn cuộc sống của cháu L nên bà D đề nghị ông T có trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Ông T cũng đồng ý và không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại ông T đang làm thuê tại xưởng làm bàn ghế game, ghế xe máy..của em trai ông T tại xóm 10, xã Y, huyện T, Hà Nội. Thu nhập bình quân khoảng 4.000.000đ/tháng (Bốn triệu đồng).

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Bà D và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị D, cho bà Trần Thị D được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị L (tên gọi khác là Lê Thùy L), sinh ngày 19/4/2005 cho ông T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với ông T.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Bà D và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị D là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với ông Lê Văn T là bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Hiện tại ông T đang có nơi cư trú, thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết vụ án trên theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị D và ông Lê Văn T đều vắng mặt tại phiên tòa, bà D có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt bà D và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện. Việc kết hôn giữa bà Trần Thị D và ông Lê Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, quan hệ hôn nhân và gia đình giữa bà D và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà D và ông T có khoảng thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Theo bà D trình bày, thời

điểm bà D và ông T thực tế xảy ra mâu thuẫn là từ năm 2006 nhưng đến năm 2019 mâu thuẫn mới trầm trọng. Sau khi phát sinh mâu thuẫn trầm trọng thì bà và ông T sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do ông T rượu chè, thường xuyên đánh đập bà. Còn ông T xác định, hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng hiện tại cả hai người đang sống ly thân nhau, thời gian sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian, vợ chồng sống ly thân, không ai có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm, bà D xin ly hôn, ông đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với anh Trường là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông T đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đức A sinh ngày 28/3/2001 và cháu Lê Thị L (tên gọi khác là Lê Thùy L), sinh ngày 19/4/2005 . Hiện cháu A đã trưởng thành, có thể lao động, tự túc nuôi sống bản thân nên bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu L, hiện tại cháu L đang ở với ông T. Ly hôn, ông T có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, bà D đồng ý; nguyện vọng của cháu L cũng xin được ở với ông T. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền và cũng là nghĩa vụ của cả cha lẫn mẹ. Ông T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, bà D đồng ý là thể hiện sự tự nguyện của cả bà D và ông T, mặt khác bản thân cháu L cũng có nguyện vọng được ở với bố là chính đáng phù hợp với quy định đồng thời không làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu L. Do vậy, cần giao cháu L cho ông T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về cấp dưỡng: Do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Bà D và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị D được ly hôn ông Lê Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị L (tên gọi khác là Lê Thùy L), sinh ngày 19/4/2005 cho ông T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000215 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận bà D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND T;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh